

Số: 37/TB-CDCT
V/v: Công bố Báo cáo thường niên
năm 2023

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Kính gửi:**
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
 - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
 - Quý cổ đông.

I/ GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Cơ điện công trình.**
- Địa chỉ: Tầng 8, tháp A, tòa nhà Sky Tower, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
- Mã chứng khoán: **MES**
- Điện thoại: 024 66556248/ 39331768/39332225 – Fax: 024 39332225

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Công ty Cổ phần Cơ điện công trình công bố Báo cáo thường niên năm 2023.

Thông tin chi tiết được đăng tải trên Website: **mesc.com.vn** và tài liệu đính kèm.

Công ty cổ phần Cơ điện công trình cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Đăng tải Website, CIMS;
- Lưu: TCHC, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N.: 0100106
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN
CÔNG TRÌNH
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Cao Tiên Dũng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100106190 cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 19/10/2022 tại Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 186.000.000.000 đồng.
- (Một trăm tám mươi sáu tỷ đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 186.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 8, tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 Phố Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 024.39332225/024.39331768
- Số fax: 0243.9332225
- Web: mesc.com.vn
- Mã cổ phiếu: MES

2. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông công ty lần đầu ngày 07/03/2016 và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 04/04/2016.

Ngày 01/12/2016, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là **MES**, số lượng chứng khoán giao dịch là 18.600.000 cổ phiếu, Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 186.000.000.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng mới duy trì cây xanh đường phố, khu đô thị, công viên vườn hoa, cắt hạ cây bóng mát, nuôi dưỡng và chăm sóc chim thú cảnh;
- Sản xuất, chế tạo và lắp ráp các sản phẩm cơ khí thiết bị thuộc chuyên ngành giao thông vận tải, vui chơi giải trí, chiếu sáng đô thị, kết cấu thép, thông tin tin hiệu, điện tử điện lạnh và thiết bị báo động phòng chống cháy nổ;

- Xử lý chất thải không độc hại.
- Chế tạo và lắp ráp các loại xe, thiết bị chuyên dùng phục vụ ngành giao thông công trình như: xe máy, thiết bị thu gom và xử lý rác thải công nghiệp, đô thị và y tế (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Vận chuyển hàng hóa bằng ô tô, vận tải hành khách công cộng, trông giữ các phương tiện giao thông trong phạm vi đất của công ty quản lý;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị trong và ngoài công trình thuộc ngành: giao thông, bưu điện, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; Điện nguồn và trạm biến áp đến 220KVA, điện chiếu sáng, đèn trang trí đường phố, công viên, vườn hoa, trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư, tư vấn đầu tư trong và ngoài nước, thẩm định thiết kế, dự toán công trình, lập hồ sơ mời thầu, tư vấn xét thầu, giám sát thi công công trình, kiểm định kỹ thuật công trình xây dựng, khảo sát thiết kế các công trình kỹ thuật giao thông, thủy lợi dân dụng, công nghiệp, khu đô thị, công viên vườn hoa (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị chuyên ngành giao thông công chính, xây dựng; Dịch vụ cứu hộ giao thông vận tải, dọn rửa làm sạch xe ô tô, kinh doanh vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc thực vật);
- Kinh doanh bất động sản, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ du lịch lữ hành, xanh dầu, đại lý ký gửi hàng hóa, quản lý khai thác khu đô thị do Công ty làm chủ đầu tư (không bao gồm kinh doanh bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Bán và cho thuê cây cảnh;

b) Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Cơ điện công trình kinh doanh chủ yếu trên địa bàn của Thành phố Hà Nội.

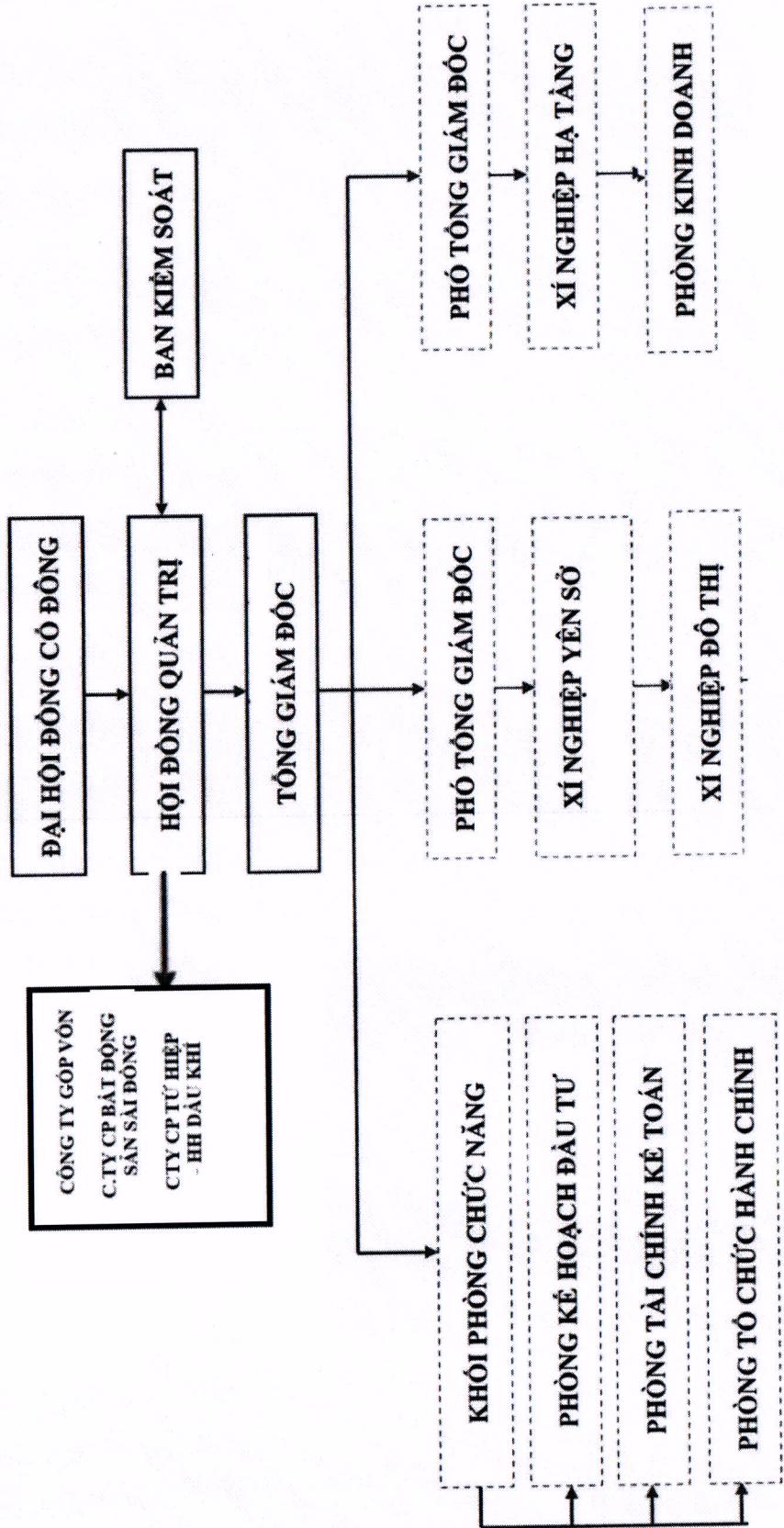
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

a) Mô hình quản trị: Mô hình quản trị công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY



❖ **Ban Điều hành công ty:** Bao gồm 01 Phụ trách điều hành hoạt động và 01 Phó Tổng Giám đốc (*UBND T.P đồng ý về chủ trương, HĐQT bổ nhiệm*). Các thành viên đều tham gia làm việc toàn thời gian cho Công ty. Trách nhiệm chính của Ban điều hành là:

- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được HĐQT quyết định, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

❖ **Các phòng ban chuyên môn:**

Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cán bộ phụ trách các phòng ban nghiệp vụ do Tổng Giám đốc bổ nhiệm dựa trên cơ cấu tổ chức được Hội đồng quản trị phê duyệt. Các phòng ban chức năng bao gồm:

- Phòng Kế hoạch - Đầu tư
- Phòng Tài chính - Kế toán
- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Kinh doanh

❖ **Các Xí nghiệp**

- Xí nghiệp Yên Sở
- Xí nghiệp Đô Thị
- Xí nghiệp Hạ tầng

5. Định hướng phát triển.

a) Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Bảo toàn, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn công ty.
- Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động.
- Xây dựng công ty trở thành Doanh nghiệp phát triển bền vững, có uy tín trong xã hội; Đảm bảo môi trường và thực hiện tốt nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Xã hội, nhà nước, cổ đông, đối tác và cán bộ công nhân viên.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Xây dựng Công ty trở thành công ty có uy tín trong lĩnh vực mà công ty tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Các rủi ro

- Công ty kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước là chính, nên các hoạt động của công ty chịu nhiều tác động từ

việc bố trí nguồn vốn từ Ngân sách thành phố và chủ trương của Thành phố đối với ngành nghề công ty đang thực hiện đó là rủi ro chính sách.

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đvt: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch trình ĐHCĐ 2023	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	Ghi chú
1	Doanh thu và thu nhập khác	24.221	7.138	29%	1. Giảm trừ doanh thu theo quyết định số 6763/QĐ-STC ngày 10/10/2019: 178 triệu 2. Giá trị hợp đồng đã ký nhưng chưa thực hiện được do vướng mặt bằng: 7,5 tỷ
2	Lợi nhuận sau thuế	45	(8.031)		
3	Vốn chủ sở hữu	171.756	163.725	95,3%	
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,026%	(4,905%)	(18.722%)	
5	Nợ phải trả quá hạn	0	0		
6	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	>1	>1		
7	Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích		565		

Trong đó, các khoản lỗ phát sinh do nguyên nhân khách quan là 7.507 triệu đồng:

- Giảm trừ doanh thu công trình Chính trang hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Nguyễn Văn Cừ theo quyết định số 6763/QĐ-STC ngày 10/10/2019: 178 triệu đồng
- Trích lập dự phòng 6.324 triệu đồng công nợ phát sinh từ năm 2002; Dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ 2013: 107 triệu đồng; Hạch toán vào chi phí 551 triệu đồng công nợ phát sinh từ năm 2003 do hiện nay đối tượng nợ đã ngừng hoạt động.
- Phạt chậm công bố thông tin, chậm nộp các báo cáo tài chính từ năm 2019 đến năm 2021: 132 triệu đồng.
- Chi phí khôi phục hoạt động của các phương tiện, thiết bị, máy móc không được sử dụng từ năm 2019: 215 triệu đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Cao Tiến Dũng	Tạm thời phụ trách điều hành	
2	Tô Hữu Chung	Phó Tổng giám đốc	
3	Nguyễn Thị Vân Hà	Phụ trách Kế toán	

2.2. Quá trình công tác:

❖ Ông Cao Tiến Dũng – Tạm thời phụ trách điều hành

Thông tin chung

Ngày sinh:	15/01/1978
Quê quán:	Diễn Thọ - Diễn Châu – Nghệ An
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ sư xây dựng cầu đường; Cử nhân chính trị học.
Chức vụ khác:	Bí thư Chi bộ
Số cổ phần đang sở hữu:	Cá nhân: 3.100 CP Đại diện vốn Nhà nước: 7.440.000 CP Người có liên quan: 0 CP

Quá trình công tác

- + Từ T2001 - T 2007: Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ - Tổng Công ty TVTK Giao thông vận tải.
- + Từ T2007 - T2010: Ban quản lý dự án Giao thông đô thị - Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
- + Từ T2010 - T4/2011: Công ty cổ phần Hồng Hà dầu khí
- + Từ T5/2011 - T11/2011: Phòng Xúc tiến đầu tư Công ty Cơ điện công trình
- + Từ T11/2011 - T9/2012: BQL dự án Sài Đồng Công ty Cơ điện công trình
- + Từ T9/2012 - T3/2013: Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư
- + Từ T3/2013 - T3/2015: Phó phòng Kế hoạch đầu tư
- + Từ T4/2015 - T1/2016: Quyền trưởng phòng Kế hoạch đầu tư
- + Từ T2/2016 - T10/2018: Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư
- + Từ T10/2018 - T10/2022: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- + Từ T10/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT, Tạm thời phụ trách điều hành hoạt động Công ty CP Cơ điện Công trình

❖ Ông Tô Hữu Chung - Phó Tổng giám đốc

Thông tin chung

Ngày sinh: 14/6/1965
Quê quán: Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
Chức vụ khác: Chi ủy viên
Số cổ phần đang sở hữu: Cá nhân: 3.400 CP
Đại diện vốn Nhà nước: 4.278.000 CP

Quá trình công tác

- + Từ T3/1984 - T11/1987: Bộ đội Tổng cục xăng dầu – Hạ Sỹ
- + Từ T1990 - T1994: Làm tại HTX Tân Tiến
- + Từ T11/1994 - T1999: Phó Chủ tịch HĐND Thị trấn Văn Điển
- + Từ T2000 - T2005: Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND Thị trấn Văn Điển
- + Từ T11/2005: Làm việc tại Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình (nay là Công ty CP Cơ điện công trình)
- + Từ T10/2018 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cơ điện Công trình.
Đảng ủy viên Đảng bộ Công ty Cơ điện công trình nhiệm kỳ 2010 - 2015; 2015 – 2020 ;
Chi ủy viên chi bộ Công ty CP Cơ điện công trình nhiệm kỳ 2020 – 2022 ; 2022 – 2025 ;
Chủ tịch Hội CCB Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022.

❖ Bà Nguyễn Thị Vân Hà – Phụ trách Kế toán

Thông tin chung

Ngày sinh: 15/3/1971
Quê quán: Nam Định
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ khác: Chi ủy viên - Chủ tịch Công đoàn
Số cổ phần đang sở hữu: Cá nhân 2.500 CP

Quá trình công tác

- + Từ T5/1989 - T6/1994: Công tác tại Liên bang Nga.
- + Từ T02/1995 - T5/2003: Công tác tại trường TH Đoàn Kết
- + Từ T7/2003 - T5/2009 : Công tác tại Công ty CP Vinasil Việt Nam
- + Từ T5/2009 - T3/2015: Kế toán xí nghiệp CV Yên Sở - Công ty TNHH Nhà nước MTV Cơ điện công trình

- + Từ T4/2015 - T6/2022: Nhân viên phòng Tài chính kế toán - Công ty CP Cơ điện công trình
- + Từ T7/2022 - T10/2022: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty CP Cơ điện công trình
- + Từ T10/2022 - T12/2023: Phụ trách Tài chính kế toán - Công ty CP Cơ điện công trình.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Công ty hiện có 21 Cán bộ công nhân viên, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách, các chế độ phúc lợi cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- a) **Các khoản đầu tư lớn :** Trong năm 2023, Công ty không có và không phát sinh các khoản chi phí đầu tư vào dự án.
- b) **Các công ty con, công ty liên kết.**
- ❖ **Công ty liên doanh, liên kết của Công ty đại chúng:**

TT	Tên công ty	Giá trị vốn góp (VNĐ) 31/12/2022	Giá trị vốn góp (VNĐ) 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu %	Ghi chú
1.	Công ty CP Bất động sản Sài Đồng	30.740.000.000	30.740.000.000	15,37%	Đã góp
				13,63%	Thực hiện chuyển nhượng quyền mua
	Cộng:	30.740.000.000	30.740.000.000	29%	

Công ty CP Bất động sản Sài Đồng được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 06/07/2015 theo số đăng ký là 0106894004.

Vốn góp của Công ty tại Công ty CP Bất động sản Sài Đồng là 29% vốn Điều lệ (106.000 triệu đồng) tương đương số tiền phải góp vốn là 30.740 triệu đồng. Hiện Công ty cổ phần Bất động sản Sài Đồng đã tăng vốn Điều lệ lên 200.000 triệu đồng. Ngày 10/9/2018, UBND thành phố Hà Nội có văn bản số 4172/UBND-KT về việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần do Công ty cổ phần Bất động sản Sài Đồng phát hành với nội dung chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại công văn số 5510/STC-TCDN ngày 14/8/2018: Không thực hiện góp bổ sung vốn điều lệ khi Công ty cổ phần Bất động sản Sài Đồng tăng vốn điều lệ lên 200.000 triệu đồng; đồng thời chuyển nhượng quyền mua 2.726.000 cổ phần do Công ty cổ phần Bất động sản Sài Đồng phát hành mà Công ty cổ phần Cơ

điện công trình được quyền mua. Hiện nay Công ty đang triển khai thực hiện các công tác liên quan để chuyển nhượng số quyền mua này.

Mặc dù Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 nhưng Công ty cổ phần Bất động sản Sài Đồng không thực hiện trong năm 2023.

❖ **Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty đại chúng:**

TT	Tên công ty	Giá trị vốn góp (VNĐ) 31/12/2022	Giá trị vốn góp (VNĐ) 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu(%)
1.	Công ty cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	16.000.000.000	16.000.000.000	2,266%

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102354784 cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 08/7/2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí là 706 tỷ đồng. Số vốn góp của công ty là 16 tỷ đồng, tương đương 2,266% vốn điều lệ. Năm 2023 Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà dầu khí không chi trả cổ tức.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	179.196.426.105	170.769.409.946	4,7%
2	Tổng doanh thu và thu nhập	4.521.453.354	7.137.766.085	57,86%
3	Doanh thu thuần	2.223.703.398	5.956.917.906	167,88%
4	Lợi nhuận từ hoạt động KD	(342.912.020)	880.214.380	356,69%
5	Lợi nhuận khác	(161.431.601)	(27.296.226)	83%
6	Lợi nhuận trước thuế	(73.363.068)	(8.031.064.206)	
7	Lợi nhuận sau thuế	(73.363.068)	(8.031.064.206)	
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(3,9)	(439,9)	

❖ **Các chỉ tiêu khác:** Không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	6,46	5,57	
+	Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	6	5,1	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số nợ / Tổng tài sản	4,15%	4,13%	
+	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	4,33%	4,34%	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho (GV hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	0,81	1,61	
+	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ)	0,01	0,03	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+	LN sau thuế / Doanh thu thuần	(3,3)	(134,82)	
+	LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu	(0,0427)	(4,905)	
+	LN sau thuế / Tổng tài sản	(0,0409)	(4,703)	
+	LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,04	(1,34)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.600.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt cổ đông đến ngày 26/3/2024).

❖ Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ)

TT	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ
1	Cổ đông lớn	01	18.393.800 CP	98,89%
2	Cổ đông nhỏ	100	206.200 CP	1,11%

❖ Theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cá nhân:

TT	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ
1	Cổ đông tổ chức - UBND TP Hà Nội - Công đoàn Công ty CP Cơ điện công trình	02	18.393.800 CP 1.000 CP	98,89% 0,005%
2	Cổ đông cá nhân	99	205.200 CP	1,105%

❖ Theo tiêu thức cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài:

TT	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước	101	18.600.000 CP	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0 CP	0%

❖ Theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

TT	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước	01	18.393.800 CP	98,89%
2	Cổ đông khác	100	206.200 CP	1,11%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có
- b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
Năng lượng tiêu thụ trong quá trình sản xuất của Công ty là năng lượng điện.
Công ty sử dụng điện để vận hành các máy móc thiết bị trong sản xuất.

Trong năm 2023, Công ty đã tiêu thụ tổng cộng 107.453 kwh điện.

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Trong năm 2023, Công ty đã tiêu thụ tổng cộng 501 m³ nước.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động (tại thời điểm 31/12/2023): 21 người;
- Thu nhập bình quân: 5,1 triệu đồng/người/tháng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty hưởng ứng và thực hiện đầy đủ các hỗ trợ tài chính đối với hoạt động cộng đồng và phát triển cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Đánh giá kết quả hoạt động:

Tổng doanh thu và thu nhập năm 2023 của công ty là 7.138 triệu. Trong đó:

- Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 5.957 triệu đồng, chiếm 83,5% tổng doanh thu và thu nhập thực hiện năm 2023.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính là 1.033 triệu đồng, chiếm 14,5% tổng doanh thu và thu nhập thực hiện năm 2023.
- Thu nhập khác là 147 triệu đồng, chiếm 2% tổng doanh thu và thu nhập thực hiện năm 2023.

b) Lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 lỗ 8.031 triệu đồng.

Nguyên nhân lỗ:

- Các khoản lỗ phát sinh do nguyên nhân khách quan là 7.507 triệu đồng:

- + Giảm trừ doanh thu công trình Chính trang hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Nguyễn Văn Cừ theo quyết định số 6763/QĐ-STC ngày 10/10/2019: 178 triệu đồng
- + Trích lập dự phòng 6.324 triệu đồng công nợ phát sinh từ năm 2002; Dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ 2013: 107 triệu đồng; Hạch toán vào chi phí 551 triệu đồng công nợ phát sinh từ năm 2003 do hiện nay đối tượng nợ đã ngừng hoạt động.
- + Phạt chậm công bố thông tin, chậm nộp các báo cáo tài chính từ năm 2019 đến năm 2021: 132 triệu đồng.
- + Chi phí khôi phục hoạt động của các phương tiện, thiết bị, máy móc không được sử dụng từ năm 2019: 215 triệu đồng.
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đủ bù chi phí quản lý doanh nghiệp mặc dù đã có tiết kiệm triệt để.

c) Những tiến bộ đạt được:

Công ty luôn chấp hành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Các chế độ phúc lợi đối với người lao động được quan tâm đầy đủ, đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	% Tăng giảm so với năm trước
1	Tổng tài sản	179.196	170.769	4,7%
2	Nợ phải trả	7.441	7.045	5,32%
3	Vốn Chủ sở hữu	171.756	163.725	4,68%

Tổng giá trị tài sản năm 2023 là 170.769 triệu đồng, giảm 4,7% so với năm 2022. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn là 36.834 triệu đồng, chiếm 21,57% tổng tài sản. Tài sản ngắn hạn chủ yếu là tiền mặt, tiền gửi (có kỳ hạn), giá trị là 20.413 triệu đồng, chiếm 55,42% tài sản ngắn hạn và phải thu ngắn hạn là 13.092 triệu đồng, chiếm 35,54% tài sản ngắn hạn.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 5,57 lần
- Hệ số thanh toán nhanh: 5,1 lần
- Hệ số nợ / Tổng tài sản: 0,041 lần
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu: 0,043 lần

Các hệ số nêu trên cho thấy, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán cho các khoản nợ đến hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thực hiện các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT, Ban lãnh đạo công ty luôn chủ động trong việc bám sát các kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng của HĐQT.

Chủ động đào tạo và bồi dưỡng nguồn cán bộ có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí chủ chốt. Đảm bảo nguồn tài chính lành mạnh để đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

4. Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2024.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện năm 2023	Ghi chú
1	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	20.000	7.138	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	32	(8.031)	
3	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	163.757	163.725	
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	0,02	(4,905)	
5	Nợ phải trả quá hạn	Tr.đồng	0	0	
6	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	>1	>1	
7	Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích	Tr.đồng	979	565	
8	Khấu hao TSCĐ	Tr.đồng	1.131	1.155	
9	Nộp Ngân sách	Tr.đồng	120	103	
10	Thu nhập BQ NLD	Tr.đồng	5,2	5,1	

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:

- Các thư xác nhận công nợ còn thiếu: do đây là các khoản công nợ phát sinh đã lâu (từ năm 2002) và hiện nay một số đối tượng nợ không hoạt động tại địa chỉ đăng ký nên công ty chưa thể gửi đối chiếu công nợ.
- Với khoản phải thu thuộc dự án Tả thanh Oai – Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương: Hiện nay cơ quan chuyên môn đang nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch nên dự án chưa triển khai cụ thể.
- Với tài sản cố định khác là cây lâu năm công ty chưa trích khấu hao do số cây này được trồng từ năm 2004 đến nay không còn mấy giá trị.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ chủ trương cắt giảm dịch vụ công ích đối với hoạt động duy tu duy trì cây xanh, thảm cỏ... trên địa bàn của UBND Thành phố Hà Nội.

Cơ cấu doanh thu đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bị thay đổi căn bản từ được giao (đặt hàng) chuyển sang tự khai thác các nguồn việc mới. Đòi hỏi Hội đồng quản trị công ty, Ban tổng giám đốc công ty phải có chiến lược điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với điều kiện mới.

Công tác tài chính kế toán của công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo nguồn vốn.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT đều được Ban Tổng giám đốc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo và HĐQT đều có các quyết định xem xét chấp thuận dưới sự giám sát của Ban kiểm soát.

Việc công bố thông tin đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Thông tin được công bố công khai, minh bạch trên Website của công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện công tác điều hành các hoạt động của công ty đúng với chức năng nhiệm vụ được giao. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT đều được báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo đầy đủ.

3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT:

Định hướng ngành nghề phát triển phù hợp, ổn định và bền vững cho công ty trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

Phối hợp với Ban Tổng giám đốc công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với tổng giá trị sản lượng, Doanh thu và thu nhập là 20.000 triệu đồng.

Tập trung các giải pháp để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí trên tất cả các lĩnh vực để tăng thu nhập cho người lao động.

Thực hiện các trình tự thủ tục để thực hiện thoái vốn nhà nước theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 19/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 06/6/2023 của UBND Thành phố.

V. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

4. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT:

TT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số CP sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ % so với vốn điều lệ	Thành viên HĐQT tại các công ty khác
1	Cao Tiến Dũng	Chủ tịch	3.100	0,017%	Thành viên HĐQT Công ty CP BĐS Sài Đồng
2	Tô Hữu Chung	Thành viên	3.400	0,018%	
3	Trần Minh Cường	Thành viên	3.400	0,018%	

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

c) Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác quản lý theo Điều lệ của công ty, theo Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật.

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không có.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

f) Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

5. Ban Kiểm soát công ty:

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ % so với vốn điều lệ
1	Trần Minh Đức	Trưởng ban	4.300	0,023%
2	Nguyễn Thị Minh Giang	Thành viên	2.100	0,011%
3	Ngô Trọng Tuấn	Thành viên	2.300	0,012%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2023, thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện những công việc sau:

- Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất của Công ty;
- Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc xây dựng các Quy chế của Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của HĐQT.

6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Đối với tiền lương:

Chủ tịch HĐQT (không hưởng thù lao), hưởng lương chuyên trách theo hệ số thang bảng lương của công ty (áp dụng Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/05/2015 và thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016).

Các thành viên HĐQT là các thành viên trong Ban giám đốc công ty hưởng lương theo hệ số thang bảng lương của công ty.

- Đối với thù lao:

Do hoạt động của công ty gặp nhiều khó khăn, trong năm 2023 không chi trả thù lao các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát theo Nghị Quyết số 16/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2023 của Đại hội đồng cổ đông công ty.

- Đối với tiền thưởng:

Trong năm 2023 không trả tiền thưởng từ lợi nhuận sau thuế cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát.

- Các lợi ích khác:

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được công ty trang bị phòng làm việc, các phương tiện và dụng cụ làm việc để phục vụ công tác.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến của kiểm toán về báo cáo tài chính:

Tại văn bản số A0623050/MOOREAISHN-TC ngày 25/03/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC về Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ, lý do:

“+ Chúng tôi không thu thập được thư xác nhận số dư đối với khoản phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2023 là 455.939.426 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 1.054.182.784 đồng); người mua trả tiền trước với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 216.089.487 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 119.762.490 đồng); phải thu khác với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 29.072.428.954 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 28.726.008.841 đồng); phải trả người bán với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 3.534.176.983 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 4.094.998.716 đồng); trả trước cho người bán với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 503.321.375 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 503.321.375 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán để chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

+ Công ty chưa làm việc với các đối tác về tiến độ thực hiện thực tế của các hợp đồng để đánh giá đầy đủ khả năng thu hồi (nếu có) của các khoản trả trước cho người bán cũng như chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị ngày 31/12/2023 lần lượt là 503.321.375 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 503.321.375 đồng) và 659.211.088 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 676.158.735 đồng). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến vấn đề nêu trên, nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

+ Tài sản cố định khác là các cây lâu năm có nguyên giá 651.085.030 đồng chưa được Công ty trích khấu hao. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về giá trị nguyên giá tài sản cố định nêu trên cũng như số khấu hao ước tính cần phải trích lập. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.”

2. Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán:

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán được gửi tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và được công bố trên Website: mesc.com.vn

Trên đây là báo cáo thường niên về hoạt động của Công ty cổ phần Cơ điện công trình năm 2023./

Trân trọng báo cáo./

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: TCHC, TCKT.

PM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng

